

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------|---|--|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| 1 | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ; | | |
| 1.1 | Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, ký mã hiệu/model (nếu có) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất (theo danh mục được nêu tại Bảng số 01, Mục II, Chương V, E-HSMT). Hàng hóa do nhà thầu đề xuất phải đáp ứng các thông số kỹ thuật (về màu sắc, quy cách, chất liệu...(nếu có) được thể hiện tại Bảng số 01 Chương V của E-HSMT và Hồ sơ thiết kế được đính kèm E-HSMT. | Tất cả các hàng hóa đều đáp ứng yêu cầu. | Nhà thầu không kê khai, không đề xuất theo yêu cầu hoặc có kê khai, có đề xuất nhưng có một trong số hàng hoá không đáp ứng yêu cầu. |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----|---|---|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| 1.2 | Đối với hàng hóa mà nhà thầu không phải là nhà thầu sản xuất thì Nhà thầu phải nêu rõ và chứng minh được nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu của hàng hóa kèm catalogue đáp ứng thông số kỹ thuật, chất lượng của hàng hóa trong E-HSMT. | Nhà thầu nêu rõ mã hiệu, nguồn gốc, xuất xứ trong HSĐT và có đầy đủ tài liệu chứng minh được nguồn gốc xuất xứ | Không nêu rõ mã hiệu, nguồn gốc, xuất xứ trong HSĐT; hoặc không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ |
| 1.3 | Nhà thầu phải có văn bản cam kết của nhà thầu, bao gồm đầy đủ các nội dung dưới đây: - Cam kết các hàng hoá mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện (nếu được đóng gói). - Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp Giấy chứng nhận/ xuất xưởng và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa sản xuất trong nước. - Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp các giấy tờ chứng minh xác nhận hợp pháp về xuất xứ của hàng hóa, các phụ kiện đi kèm (nếu có) (C/O, C/Q, packing list...), và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa nhập khẩu. | Có đầy đủ các văn bản cam kết hợp lệ của nhà thầu: cam kết đúng nội dung và được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền) | Thiếu một trong các văn bản cam kết; hoặc có cam kết nhưng không hợp lệ: cam kết không đúng nội dung, hoặc không được người đại diện pháp luật của Nhà thầu, hoặc người đại diện liên danh, hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký nhưng không đính kèm văn bản ủy quyền trong HSĐT) |
| 1.4 | Tiêu chuẩn chất lượng của vật tư, vật liệu, phụ kiện: - Nhà thầu phải có bảng kê khai đầy đủ chủng loại vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng cho gói thầu với danh sách và thông số kỹ thuật được nêu tại Bảng số 02, Mục II, Chương V, E-HSMT. | Nhà thầu có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Nhà thầu không có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu của E-HSMT |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------|---|---|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| | - Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh khả năng cung cấp vật tư, vật liệu, phụ kiện đáp ứng thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn theo danh sách được nêu tại Bảng số 02, Mục II, Chương V, E-HSMT. | | |
| 1.5 | Bản vẽ chi tiết liên kết cấu kiện của hàng hoá: | | |
| | Cam kết cung cấp bản vẽ chi tiết liên kết các cấu kiện cho các chủng loại hàng hóa được nêu tại Bảng số 03, Mục II, Chương V, E-HSMT. | Nhà thầu có cam kết cung cấp bản vẽ chi tiết liên kết các cấu kiện cho các chủng loại hàng hóa được nêu tại Bảng số 03, Mục II, Chương V, E-HSMT. | Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng nội dung không phù hợp yêu cầu của HSMT |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |
| 2 | II. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| 2.1 | Hệ thống tổ chức nhân sự tại nơi lắp đặt | | |
| | Nhà thầu có sơ đồ và thuyết minh thể hiện đầy đủ: | | |
| | Hệ thống tổ chức của nhà thầu tại nơi lắp đặt có các bộ phận: | | |
| | + <i>Quản lý tiến độ</i> | Có sơ đồ khối, thuyết minh sơ đồ đầy đủ, hợp lý, phù hợp với Nhân sự đã đề xuất | Không có sơ đồ khối, thuyết minh; hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc thiếu hợp lý hoặc không phù hợp với Nhân sự đã đề xuất |
| | + <i>Quản lý kỹ thuật/ Khối lượng</i> | | |
| | + <i>Quản lý vật tư, máy móc, thiết bị</i> | | |
| | + <i>Quản lý an toàn, an ninh</i> | | |
| | + <i>Quản lý môi trường</i> | | |
| | + <i>Tổ chức các tổ đội thi công hiện trường cho từng hạng mục, từng công việc cụ thể</i> | | |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------|--|--|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| 2.2 | Công tác chuẩn bị và Tổng mặt bằng lắp đặt | | |
| 2.2.1 | Thuyết minh công tác chuẩn bị trước khi tiến hành thực hiện: | | |
| | - Đối với hàng hóa mua sẵn | Có sơ đồ và thuyết minh quy trình từ khi đặt hàng đến khi tiếp nhận, vận chuyển, bốc xếp, phân loại, bảo quản, đến khi giao nghiệm thu đến nơi lắp đặt đảm bảo sự hợp lý, khả thi, phù hợp tiến độ thi công, đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng | Không có sơ đồ; hoặc không thuyết minh quy trình từ khi đặt hàng đến khi tiếp nhận, vận chuyển, bốc xếp, phân loại, bảo quản, đến khi giao nghiệm thu đến nơi lắp đặt đảm bảo; Hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, hoặc không phù hợp tiến độ thi công, không đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng. |
| | - Đối với hàng hóa do nhà thầu sản xuất | Có sơ đồ và thuyết minh quy trình sản xuất đến khi đóng gói, phân loại, bốc xếp, vận chuyển, bảo quản, đến khi giao đến nơi lắp đặt đảm bảo sự hợp lý, khả thi, phù hợp nguồn lực của Nhà thầu, phù hợp tiến độ thi công, đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng | Không có sơ đồ; hoặc không có thuyết minh quy trình sản xuất đến khi đóng gói, phân loại, bốc xếp, vận chuyển, bảo quản, đến khi giao đến nơi lắp đặt; hoặc có sơ đồ, có thuyết minh nhưng thiếu rõ ràng, hoặc không đảm bảo sự hợp lý, hoặc không khả thi hoặc không phù hợp nguồn lực của Nhà thầu, hoặc không phù hợp tiến độ thi công, hoặc không đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------|---|---|---|
| | | Đạt | Không đạt |
| 2.2.2 | Tổ chức mặt bằng tại nơi lắp đặt: Thiết bị thi công, tập kết vật liệu, hàng hóa, rào chắn, biển báo, cấp điện, nước, giao thông, liên lạc trong quá trình lắp đặt | Thuyết minh bố trí tổng mặt bằng tại nơi lắp đặt hợp lý, phù hợp với: điều kiện biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công, từng giai đoạn lắp đặt và hiện trạng công trình | Không thuyết minh bố trí tổng mặt bằng tại nơi lắp đặt; hoặc có nhưng không hợp lý, không phù hợp với: điều kiện biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công, từng giai đoạn thi công và hiện trạng công trình |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |
| 3 | Biện pháp tổ chức lắp đặt và giải pháp kỹ thuật lắp đặt cho từng hàng hóa | | |
| 3.1 | Biện pháp tổ chức gia công, lắp đặt cho toàn bộ công việc trong hợp đồng: + Nhà thầu phải thuyết minh chứng minh tính khả thi trong việc triển khai tổ chức công tác thi công chính đảm bảo được tiến độ, chất lượng theo yêu cầu nhưng phải phù hợp với năng suất thi công trung bình của nguồn lực Nhà thầu đã huy động cho từng công việc chính thuộc từng mũi thi công, phù hợp với mặt bằng thi công (<i>trình bày gồm phương án, kế hoạch và bố trí các mũi thi công: mô tả rõ số mũi, công việc của từng mũi đảm trách, khối lượng của từng công việc trong từng mũi, nguồn lực huy động cho từng công việc chính thuộc mũi thi công: số lượng nhân công, thiết bị thi công</i>), từ đó tính toán định lượng thời gian thi công của từng công | Có thuyết minh biện pháp tổ chức gia công, và lắp đặt cho công việc trong hợp đồng đầy đủ và đáp ứng các nội dung yêu cầu của tiêu chí này | Không trình bày hoặc trình bày nhưng không hợp lý, không khả thi, không rõ ràng bằng định lượng hoặc chỉ thuyết minh định tính không đáp ứng các nội dung yêu cầu của tiêu chí này |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----|--|--|---|
| | | Đạt | Không đạt |
| | <p>việc chính của từng mũi thi công nhưng đồng thời phải hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công;</p> <p>(Nhà thầu phải thuyết minh định lượng, <i>thay vì thuyết minh theo định tính, không đủ căn cứ khoa học đánh giá được sự hợp lý, khả thi phù hợp tiến độ thi công</i>)</p> <p>+ Nhà thầu trình bày sự phối hợp các công tác liên quan nhau về kỹ thuật, giữa các mũi thi công để thể hiện được sự khả thi, hợp lý về yếu tố kỹ thuật trong tổ chức thi công (<i>Cụ thể là Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp tổ chức thông qua thuyết minh nêu rõ được mối liên quan nhau về kỹ thuật giữa các công tác, giữa các mũi thi công gồm: công việc và mũi nào cần thực hiện trước, công việc và mũi nào cần thực hiện sau (tuần tự), công việc và mũi nào thực hiện song song, các công việc và mũi nào thực hiện được kết hợp...</i>)</p> | | |
| 3.2 | <p>Biện pháp kỹ thuật lắp đặt tại vị trí lắp đặt cho các hàng hoá của gói thầu:</p> <p>Có đầy đủ thuyết minh biện pháp kỹ thuật lắp đặt cho từng hàng hóa tại vị trí lắp đặt theo thiết kế: trình bày đầy đủ, hợp lý, đáp ứng kỹ thuật, đảm bảo chất lượng</p> | Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này | Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này. |
| 3.3 | Quy trình quản lý lắp đặt (Thuyết minh thể hiện hợp lý, khả thi theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật) | | |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------|---|--|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| 3.3.1 | Quy trình và lưu đồ quản lý, kiểm soát, đo lường, bảo quản vật tư, vật liệu, hàng hóa | Đầy đủ rõ ràng, hợp lý | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, không đúng nội dung hoặc không hợp lý |
| 3.3.2 | Quy trình và lưu đồ Hệ thống quản lý chất lượng lắp đặt | Đầy đủ rõ ràng, hợp lý | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, không đúng nội dung hoặc không hợp lý |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |
| 4 | Các biện pháp bảo đảm chất lượng | | |
| 4.1 | <p>Biện pháp bảo đảm chất lượng công tác gia công, lắp đặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ khối và thuyết minh đầy đủ về hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng của Nhà thầu phù hợp (bao gồm: có trình bày sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công; kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ; biện pháp khắc phục sai sót về chất lượng, tiến độ...). - Có thuyết minh về cách thức và biện pháp kiểm soát chất lượng vật liệu và thiết bị vật liệu đầu vào khi đưa đến công trình và trước khi sử dụng, trong đó bao gồm các vật liệu chính và thiết bị chính thể hiện tính hợp lý, khả thi để đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình - Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình lắp đặt | Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này | Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này. |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------|--|---|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| | hàng hoá hợp lý, khả thi và phù hợp gói thầu | | |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |
| 5 | Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động: | | |
| 5.1 | Vệ sinh môi trường tại công trình | Thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt tại công trình hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức gia công, lắp đặt và phù hợp với tính chất gói thầu | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt tại công trình; hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt tại công trình nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công |
| 5.2 | An toàn lao động Phòng cháy, chữa cháy tại công trình | Biện pháp an toàn lao động và biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại công trình hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức gia công, lắp đặt phù hợp với tính chất gói thầu | Không thuyết minh biện pháp an toàn lao động; hoặc biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại công trình; Hoặc có thuyết minh nhưng không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức gia công, lắp đặt hoặc không phù hợp với tính chất gói thầu |
| 5.3 | Biện pháp an ninh tại công trình | Có Biện pháp đảm bảo an ninh khi lắp đặt tại công trình hợp lý, khả thi và phù hợp điều kiện hiện trạng gói thầu | Không có Biện pháp đảm bảo an ninh khi lắp đặt tại công trình; hoặc có nhưng không hợp lý, hoặc không khả thi hoặc không phù hợp điều kiện hiện trạng gói thầu |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------|---|--|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |
| 6 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành | | |
| 6.1 | Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng. | Có Cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Có Cam kết thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. Hoặc không có cam kết. |
| 6.2 | Sơ đồ và thuyết minh quy trình bảo hành: <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ sơ đồ và thuyết minh quy trình bảo hành rõ ràng, hợp lý, đầy đủ các nội dung: quy trình thực hiện, nội dung công việc thực hiện; cách thức thực hiện; quyền và nghĩa vụ mỗi bên trong quá trình bảo hành - Có cam kết tiếp nhận xử lý các vấn đề về bảo hành trong vòng 02 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư thông báo; Trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải có dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật: 24/24; 7 ngày/tuần. | Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này | Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này. |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |
| 7 | Tiến độ cung cấp lắp đặt hàng hóa, bảo trì | | |
| 7.1 | Thời gian: đảm bảo thời gian thi công không quá 05 ngày (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết) | Thời gian thực hiện không vượt quá 05 ngày. | Thời gian thực hiện vượt quá 05 ngày. |
| 7.2 | Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi so với biện pháp tổ chức thi công và giải pháp kỹ | Đáp ứng đầy đủ tiêu chí này | Không đáp ứng một trong số tiêu chí này. |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|--|--|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| | <p>thuật:</p> <p>* Bản vẽ tiến độ sơ đồ ngang với trục thời gian đơn vị là 1 ngày kèm theo biểu đồ nhân công tương ứng với biểu đồ tiến độ; hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công (thể hiện rõ phù hợp với năng suất lao động và khối lượng thi công):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu tiến độ thi công thể hiện đầy đủ chi tiết hạng mục chính công trình, từng công việc chính thuộc từng mũi thi công theo sơ đồ ngang phù hợp với biện pháp tổ chức thi công, thể hiện đầy đủ các khâu từ gia công, lắp đặt của tất cả các hàng hóa có trong danh mục mời thầu (từ khâu đặt hàng, sản xuất, cung ứng, giao nhận, lắp đặt đến nghiệm thu bàn giao) và kèm biểu đồ nhân công hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp tổ chức gia công và lắp đặt - Trục thời gian của sơ đồ tiến độ ngang tối thiểu 1 ngày 1 cột; - Biểu đồ huy động nhân lực: phù hợp với sơ đồ tiến độ ngang, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và giải pháp kỹ thuật. - Biện pháp bù, đẩy nhanh tiến độ khả thi. | | |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |
| 8 | Thông tin của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó | | |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----|---|---|---|
| | | Đạt | Không đạt |
| | Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư 79/2025/TT-BTC trong vòng 03 năm trở lại đây (2022, 2023, 2024): có bản cam kết không vi phạm (Lưu ý bản cam kết không được bổ sung làm rõ sau thời điểm đóng thầu) | Có bản cam kết và Nhà thầu không vi phạm các Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư 79/2025/TT-BTC. | Không có bản cam kết hoặc Nhà thầu vi phạm một trong các Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại: Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư 79/2025/TT-BTC |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt |